IEF – Minitest Buổi 6 – 30/09/25

Name: .....

Score: ...../.....

Vocabulary	Word Type	Meaning
Administrate		1. Người nghiện công nghệ
Channel		2. Xuất khẩu (Opposite: .....)
Convince		3. Vé, phiếu giảm giá
Domestic		4. Đổi mới
Explicit		5. Phía bên trong, nội bộ
Implicit		6. Học bổng
Export		7. Chiến dịch
Income		8. Đồng hồ đeo tay
Innovate		9. Giám đốc
Invoke the authority of sb		10. Điểm đến
Publish		11. Lợi nhuận
Sector		12. Nội địa
Sex		13. Màn hình cảm ứng
Survey		14. Người không có hứng thú với công nghệ
Coupon		15. Khảo sát
Cereal		16. Ống kính máy ảnh
Persuade		17. Tìm kiếm
Determine		18. Thuyết phục
Wristwatch		19. Ngũ cốc
Campaign		20. Phần, lĩnh vực
Aim		21. Rõ ràng, trực diện
Scholarship		22. Công bố, công khai
Director		23. Cân nhắc làm gì đó
Technophile		24. Ẩn, không rõ ràng, ẩn ý
Technophobe		25. Người thích công nghệ
Instruction		26. Giới tính (Synonym: .....)
Function		27. Hướng dẫn sử dụng
Destination		28. Quản lý
Handheld		29. Mới nhất
Look up		30. Kênh
Latest		31. Xác định
Touch screen		32. Chức năng
Consider V-ing		33. Trích lời người có uy tín (thường để quảng cáo cho sản phẩm)
Camera lens		34. Cầm tay
Internal		35. phía bên ngoài
External		36. Mục đích

LIVEWORKSHEETS